

Bản án số: 27/2024/HS-ST
Ngày: 25 – 3 – 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Cần.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Hồng.

Ông Nguyễn Minh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2024/TLST-HS ngày 10/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HS ngày 26/02/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Kim Phương H, sinh ngày 04/3/1975 tại huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Chủ hộ kinh doanh; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; tên gọi khác: Không có; Đảng đoàn thể: Không; con ông Trần Viết H1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; chồng: Nguyễn Trung K; có 03 con, con lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/8/2023, hiện đang tại ngoại tại địa phương, (bị cáo có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị Kim D, sinh năm 1969; (vắng mặt)

Cư trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bà Ngô Thị H2, sinh năm 1978; (vắng mặt)

Cư trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Bà Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1978; (vắng mặt)

- Cư trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.
4. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1987; (vắng mặt)
Cư trú tại: Thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.
5. Ông Phan Quốc C, sinh năm 1969; (vắng mặt)
Cư trú tại: Thôn G, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.
6. Bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1979; (vắng mặt)
Cư trú tại: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.
7. Bà Nguyễn Thị Thu H6, sinh năm 1967; (vắng mặt)
Cư trú tại: Thôn G, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.
8. Bà Phạm Bá D1, sinh năm 1984; (vắng mặt)
Cư trú tại: Thôn N, xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.
9. Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1975; (vắng mặt)
Cư trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.
10. Bà Phạm Thị D2, sinh năm 1984; (vắng mặt)
Cư trú tại: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.
11. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1965; (vắng mặt)
Cư trú tại: Số A H, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.
12. Công ty TNHH T5; (vắng mặt)
Địa chỉ: Số A H, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc
13. Ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1970; (có mặt)
Cư trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc;
14. Công ty TNHH N;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung K – Giám đốc, (có mặt)
Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.
15. Chi cục Thuế khu vực T6; (vắng mặt)
Địa chỉ: Thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Kim Phương H là chủ Hộ kinh doanh Trần Kim Phương H được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 19C80002515 do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện T cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/7/2011, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 30/12/2022. Người đại diện theo pháp luật là Trần Kim

Phương H, sinh năm 1975, cư trú tại thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngành nghề kinh doanh chính của Hộ kinh doanh là: Mua bán văn phòng phẩm, sản xuất và mua bán đồ mỹ nghệ, đồ dùng, dụng cụ điện, hàng kim khí tổng hợp, vật liệu xây dựng, đồ điện nước, đồ gia dụng, hàng tạp hóa... Hộ kinh doanh Trần Kim Phương H kê khai và nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực T6, nộp thuế theo phương pháp khoán.

Sau khi thành lập, Hộ kinh doanh Trần Kim Phương H hoạt động kinh doanh cung cấp văn phòng phẩm, vật liệu xây dựng, đồ gia dụng, hàng tạp hóa cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện T. Tuy nhiên, ngoài việc giao dịch mua bán hàng hóa và xuất hóa đơn theo đúng quy định cho các đơn vị mua hàng, Trần Kim Phương H còn bán hóa đơn ghi khống hàng hóa, dịch vụ cho một số Trạm y tế trên địa bàn huyện T. Cụ thể như sau:

Đối với Trạm y tế xã Đ: Khoảng cuối năm 2020, để phục vụ công tác chuyên môn, bà Vũ Thị Kim D, sinh năm 1969, trú tại thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc – là Trạm trưởng Trạm y tế xã Đ có giao cho chị Ngô Thị H2, sinh năm 1978, cư trú tại xã Đ, huyện T là cán bộ Trạm y tế xã Đạo Tú đi mua một số mặt hàng như: chăn, gối, màn, băng, ghế, biển, sổ các loại và tạp hợp hóa đơn, chứng từ làm thủ tục thanh quyết toán với Trung tâm y tế huyện T. Chị H2 là người trực tiếp đi mua hàng hóa của một số cá nhân trên địa bàn huyện T. Tuy nhiên, những người này kinh doanh nhỏ lẻ, không thành lập hộ kinh doanh nên không có hóa đơn để xuất cho Trạm y tế xã Đạo Tú. Theo quy định, để được thanh quyết toán thì các Trạm y tế xã phải có hóa đơn, chứng từ sau đó lập giấy đề nghị thanh toán nộp lên Phòng kế toán của Trung tâm y tế huyện T để làm thủ tục thanh toán tiền ngân sách. Vì vậy, để hợp thức cho sổ hàng hóa không có hóa đơn chị H2 đã báo cáo và được bà D đồng ý, chỉ đạo mua hóa đơn để hợp thức việc thanh quyết toán. Do có quen biết với Trần Kim Phương H nên chị H2 đến Hộ kinh doanh của Trần Kim Phương H tại thôn K, xã Đ, huyện T đặt vấn đề mua hóa đơn ghi khống nội dung để hợp thức cho sổ hàng hóa mà Trạm y tế xã Đạo Tú mua của các cá nhân không có hóa đơn. Do nể nang chị H2 thường xuyên mua hàng hóa của mình nên H đã đồng ý bán hóa đơn cho chị H2 và thống nhất giá bán hóa đơn là 4% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Sau đó, H2 cung cấp cho H các thông tin về đơn vị mua hàng, mặt hàng, tổng tiền hàng để H làm căn cứ viết hóa đơn. Căn cứ vào số liệu H2 cung cấp, H trực tiếp viết hóa đơn của H7 kinh doanh Trần Kim Phương H xuất bán khống cho Trạm y tế xã Đ. Trong năm 2020 và năm 2021, H đã xuất bán cho Trạm y tế xã Đ tổng số 03 hóa đơn gồm: Hóa đơn số 95290 ghi ngày 18/12/2020 với tổng tiền thanh toán là: 15.360.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $4\% \times 15.360.000 \text{ đồng} = 614.400 \text{ đồng}$. Hóa đơn số 35048 ghi ngày 01/6/2021 với tổng tiền thanh toán là: 10.500.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $4\% \times 10.500.000 \text{ đồng} = 420.000 \text{ đồng}$. Hóa đơn số 35057 ghi ngày 01/6/2021 với tổng tiền thanh toán là 4.260.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $4\% \times 4.260.000 \text{ đồng} = 170.400 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền thể hiện trên 03 hóa đơn là 30.120.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $30.120.000 \text{ đồng} \times 4\% = 1.204.800 \text{ đồng}$. Số tiền này H2 dùng

tiền ngân sách của Trung tâm y tế huyện T cấp cho Trạm y tế xã Đ trả cho Trần Kim Phương H. Trạm y tế xã Đ sử dụng 03 hóa đơn nêu trên để hạch toán cho một số khoản chi như mua chăn, gối, màn, băng, ghế, biển và sổ các loại,... mà người bán không có hóa đơn.

Đối với Trạm y tế xã D: Khoảng tháng 11/2020, để phục vụ công tác chuyên môn, chị Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1978, cư trú tại xã N, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc – là Trạm trưởng Trạm y tế xã D có giao cho chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1987 cư trú tại xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc là cán bộ Trạm y tế xã D đi mua hàng hóa và tập hợp hóa đơn, chứng từ làm thủ tục thanh quyết toán với Trung tâm y tế huyện T. Chị H4 là người trực tiếp đi mua hàng hóa của một số cá nhân kinh doanh nhỏ lẻ trên địa bàn xã D nhưng không có hóa đơn. Vì vậy, để hợp thức cho sổ hàng hóa này, chị H4 đã báo cáo và được chị H3 đồng ý, chỉ đạo mua hóa đơn để hợp thức việc thanh quyết toán. Do chị H4 thường xuyên mua hàng tại Hộ kinh doanh của Trần Kim Phương Hà nên chị H4 đặt vấn đề với H về việc mua hóa đơn ghi khống nội dung để hợp thức cho sổ hàng hóa mà Trạm y tế xã Duy Phiên mua của các cá nhân không có hóa đơn. H đã đồng ý bán hóa đơn cho H4 và thống nhất giá bán hóa đơn là 4% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Sau đó, H4 cung cấp cho H các thông tin về đơn vị mua hàng, mặt hàng, tổng tiền hàng để H làm căn cứ viết hóa đơn. Căn cứ vào số liệu H4 cung cấp, H trực tiếp viết hóa đơn của H7 kinh doanh Trần Kim Phương H xuất bán khống cho Trạm y tế xã D. Trong thời gian từ tháng 11/2020 đến tháng 5/2021, H đã xuất bán cho T2 y tế xã D tổng số 08 hóa đơn gồm: Hóa đơn số 95231 ngày 26/11/2020 với tổng số tiền thanh toán là 5.734.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $5.734.000 \text{ đồng} \times 4\% = 229.360 \text{ đồng}$. Hóa đơn số 95232 ngày 26/11/2020 với tổng số tiền thanh toán là 4.160.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $4.160.000 \text{ đồng} \times 4\% = 166.400 \text{ đồng}$. Hóa đơn số 95295 ngày 19/12/2020 với tổng số tiền thanh toán là 11.540.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $11.540.000 \text{ đồng} \times 4\% = 461.600 \text{ đồng}$. Hóa đơn số 98257 ngày 22/12/2020 với tổng số tiền thanh toán là 1.399.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $1.399.000 \text{ đồng} \times 4\% = 55.950 \text{ đồng}$. Hóa đơn số 46717 ngày 30/01/2021 với tổng số tiền thanh toán là 5.110.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $5.110.000 \text{ đồng} \times 4\% = 204.400 \text{ đồng}$. Hóa đơn số 46718 ngày 30/01/2021 với tổng số tiền thanh toán là 3.620.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $3.620.000 \text{ đồng} \times 4\% = 144.800 \text{ đồng}$. Hóa đơn số 33246 ngày 12/5/2021 với tổng số tiền thanh toán là 4.515.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $4.515.000 \text{ đồng} \times 4\% = 180.600 \text{ đồng}$. Hóa đơn số 33249 ngày 13/5/2021 với tổng số tiền thanh toán là 5.670.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $5.670.000 \text{ đồng} \times 4\% = 226.800 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền thể hiện trên 08 hóa đơn là 41.748.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn $41.748.000 \text{ đồng} \times 4\% = 1.669.920 \text{ đồng}$. Số tiền này H4 dùng tiền ngân sách của Trung tâm y tế huyện T cấp cho Trạm y tế xã D trả cho Trần Kim Phương H. Trạm y tế xã D sử dụng 08 hóa đơn nêu trên để hạch toán cho một số khoản chi như mua chăn, gối, màn, chè, nước, văn phòng phẩm,... mà người bán không có hóa đơn.

Đối với Trạm y tế xã H: Khoảng cuối năm 2020 và đầu năm 2021, anh Phan Quốc C, sinh năm 1969, cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc – là Trạm trưởng Trạm y tế xã H có giao cho chị Nguyễn Thị H5, sinh năm 1979, cư trú tại xã H, huyện T là cán bộ Trạm y tế xã H mua nước uống, chè mạn, đóng một số loại sổ phục vụ công việc chung của Trạm y tế xã H. Chị H5 đã mua các mặt hàng này của một số cá nhân trên địa bàn huyện T không thành lập hộ kinh doanh, không xuất được hóa đơn cho Trạm y tế xã H để làm thủ tục thanh toán tiền ngân sách. Do vậy, chị H5 đã báo cáo và được anh C đồng ý, giao đi mua hóa đơn để hợp thức cho sổ hàng hóa mua của các cá nhân không có hóa đơn. Do đã nhiều lần mua hàng hóa của HKD Trần Kim Phương H nên chị H5 đến gặp H đặt vấn đề mua hóa đơn ghi khống nội dung của H7 kinh doanh Trần Kim Phương H để hợp thức sổ hàng hóa mà Trạm y tế xã H mua của các cá nhân không có hóa đơn, H đồng ý bán hóa đơn cho chị H5 và thống nhất giá bán hóa đơn là 2% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Sau đó, mỗi lần mua hóa đơn, H5 cung cấp cho H các thông tin về đơn vị mua hàng, mặt hàng, tổng tiền hàng để H làm căn cứ viết hóa đơn. Căn cứ vào số liệu H5 cung cấp, H trực tiếp viết hóa đơn của HKD Trần Kim Phương H xuất bán khống cho Trạm y tế xã H. Trong năm 2020 và năm 2021, H đã xuất bán cho Trạm y tế xã H tổng số 03 hóa đơn gồm: Hóa đơn số 95216 ngày 16/11/2020 với tổng số tiền thanh toán là 680.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $680.000 \text{ đồng} \times 2\% = 13.600 \text{ đồng}$. Hóa đơn số 98339 ngày 15/01/2021 với tổng tiền thanh toán là 4.975.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $4.975.000 \text{ đồng} \times 2\% = 99.500 \text{ đồng}$. Hóa đơn số 98345 ghi ngày 19/01/2021 với tổng tiền thanh toán là 900.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $900.000 \text{ đồng} \times 2\% = 18.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền thể hiện trên 03 hóa đơn là 6.555.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn $6.555.000 \text{ đồng} \times 2\% = 131.100 \text{ đồng}$. Số tiền này H5 dùng tiền ngân sách của Trung tâm y tế huyện T cấp cho Trạm y tế xã H trả cho Trần Kim Phương H. Trạm y tế xã H sử dụng 03 hóa đơn nêu trên để hạch toán cho một số khoản chi như mua chè, nước, sổ các loại,... mà người bán không có hóa đơn.

Đối với Trạm y tế xã H: Khoảng tháng 5/2021, bà Nguyễn Thị Thu H6, sinh năm 1967, cư trú tại xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc – là Trạm trưởng Trạm y tế xã H giao anh Phạm Bá D1, sinh năm 1984, cư trú tại xã A, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc là cán bộ Trạm y tế xã H mua văn phòng phẩm, vật tư để phục vụ công tác chuyên môn và tập hợp hóa đơn, chứng từ làm thủ tục thanh quyết toán với Trung tâm y tế huyện T. Anh D1 đã trực tiếp đi mua hàng hóa của một số cá nhân kinh doanh nhỏ lẻ trên địa bàn huyện T. Do các cá nhân này không xuất được hóa đơn để làm thủ tục thanh toán nên anh D1 đã báo cáo và được bà H6 đồng ý, giao đi mua hóa đơn để hợp thức cho sổ hàng hóa mà D1 mua của các cá nhân không có hóa đơn. Sau đó D1 liên hệ đặt vấn đề mua hóa đơn và được H6 đồng ý bán hóa đơn cho D1 với giá từ 4% đến 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Sau đó, D1 là người cung cấp cho H6 các thông tin về đơn vị mua hàng, mặt hàng, tổng tiền hàng để H6 viết hóa đơn. Căn cứ vào số liệu D1 cung cấp, H6 trực tiếp viết hóa đơn của HKD Trần Kim Phương H xuất bán khống cho Trạm y tế xã H. Trong năm 2021, H đã xuất bán cho Trạm y tế xã H tổng số

03 hóa đơn gồm: Hóa đơn số 35005 ghi ngày 16/5/2021 với tổng số tiền thanh toán là 2.870.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là 2.870.000 đồng $\times 4\% = 114.800$ đồng. Hóa đơn số 35006 ghi ngày 16/5/2021 với tổng số tiền thanh toán là 7.315.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là 7.315.000 đồng $\times 4\% = 292.600$ đồng. Hóa đơn số 35084 ghi ngày 15/6/2021 với tổng tiền thanh toán là 14.000.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn này là $5\% \times 14.000.000$ đồng = 700.000 đồng.

Tổng số tiền thể hiện trên 03 hóa đơn là 24.185.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là: 1.107.400 đồng. Số tiền này D1 dùng tiền ngân sách của Trung tâm y tế huyện T cấp cho Trạm y tế xã H trả cho Trần Kim Phương H. Trạm y tế xã H sử dụng 03 hóa đơn nêu trên để hạch toán cho một số khoản chi như văn phòng phẩm, vật tư,... mà người bán không có hóa đơn.

Đối với Trạm y tế xã T: Để phục vụ cho công việc của Trạm y tế xã T, anh Nguyễn Văn K1, sinh năm 1975, cư trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc – là Trạm trưởng Trạm y tế xã T có giao cho chị Phạm Thị D2, sinh năm 1984, cư trú tại phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc là Phó Trạm trưởng Trạm y tế xã T mua hàng hóa gồm vật tư, chăn, ga, bàn, ghế... phục vụ công việc chung của Trạm y tế xã T. Chị D2 đã mua các mặt hàng này của một số cá nhân tại xã T, huyện T. Khi mua hàng của các cá nhân này không thành lập hộ kinh doanh nên không xuất được hóa đơn cho Trạm y tế xã T để làm thủ tục thanh toán nên chị D2 có báo cáo và được anh K1 đồng ý, giao đi mua hóa đơn để hợp thức cho số hàng hóa mua không có hóa đơn nêu trên, làm thủ tục thanh quyết toán với Trung tâm y tế huyện T. Do có quen biết với H nên chị D2 đã đến gặp và đặt vấn đề mua hóa đơn ghi khống nội dung và được H đồng ý, giá bán hóa đơn là 4% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn. Sau đó, mỗi lần mua hóa đơn, D2 cung cấp cho H các thông tin về đơn vị mua hàng, mặt hàng, tổng tiền hàng để H làm căn cứ viết hóa đơn. Căn cứ vào số liệu D2 cung cấp, H trực tiếp viết hóa đơn của HKD Trần Kim Phương H xuất bán khống cho Trạm y tế xã T. Trong năm 2020, 2021 H đã xuất bán cho Trạm y tế xã T tổng số 07 hóa đơn gồm: Hóa đơn số 59693 ngày 09/09/2020 với tổng tiền thanh toán là 3.720.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $3.720.000$ đồng $\times 4\% = 148.800$ đồng. Hóa đơn số 59695 ngày 10/09/2020 với tổng tiền thanh toán là 7.860.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $7.860.000$ đồng $\times 4\% = 314.400$ đồng. Hóa đơn số 95278 ngày 16/12/2020 với tổng tiền thanh toán là 12.990.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $12.990.000$ đồng $\times 4\% = 519.600$ đồng. Hóa đơn số 95281 ngày 17/12/2020 với tổng tiền thanh toán là 22.430.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $22.430.000$ đồng $\times 4\% = 897.200$ đồng. Hóa đơn số 33231 ngày 05/5/2021 với tổng tiền thanh toán 8.305.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $8.305.000$ đồng $\times 4\% = 332.200$ đồng. Hóa đơn số 33238 ngày 08/5/2020 với tổng tiền thanh toán 3.335.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $3.335.000$ đồng $\times 4\% = 133.400$ đồng. Hóa đơn số 35050 ngày 01/6/2021 với tổng tiền thanh toán là 10.500.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là $4\% \times 10.500.000$ đồng = 420.000 đồng.

Tổng số tiền tiền thể hiện trên 07 hóa đơn là 69.140.000 đồng, trong đó tiền bán hóa đơn là 2.765.600 đồng. Số tiền này D2 dùng tiền ngân sách của Trung tâm y tế huyện T cấp cho Trạm y tế xã T trả cho Trần Kim Phương H. Trạm y tế xã T sử dụng 07 hóa đơn nêu trên để hạch toán cho một số khoản chi như mua văn phòng phẩm, giường, chăn, đệm, ga, mực in,... mà người bán không có hóa đơn.

Như vậy, trong năm 2020 và 2021, Trần Kim Phương H đã bán tổng số 24 hóa đơn ghi không hàng hóa của H7 kinh doanh Trần Kim Phương H cho các Trạm y tế xã: Đạo Tú, Duy P1, Hoàng Đ, Hoàng L và Thanh V với tổng số tiền thanh toán thể hiện trên 24 hóa đơn là: 171.748.000 đồng, trong đó H thu tổng tiền bán hóa đơn là: 6.878.820 đồng. Toàn bộ 24 hóa đơn nêu trên H đều kê khai, nộp thuế tại chi cục thuế khu vực T6 số tiền 1,5% giá trị số tiền ghi trên hóa đơn (Thuế GTGT là 1%, thuế thu nhập cá nhân là 0,5%) là 171.748.000 đồng $\times$ 1,5% = 2.576.220 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính là: 6.878.820 đồng - 2.576.220 đồng = 4.302.600 đồng.

Ngoài việc bán 24 hóa đơn cho các Trạm y tế xã nêu trên, Trần Kim Phương H còn thành lập Công ty TNHH N (Công ty N) theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, MSDN: 2500284064, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh V cấp, đăng ký lần đầu ngày 30/8/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 22/7/2019. H nhờ anh Nguyễn Trung K, sinh năm 1970, cư trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc là chồng của H đứng tên Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty để hoạt động sản xuất và kinh doanh thương mại hàng cơ khí, vật liệu xây dựng, thiết bị điện, nước,... Trong quá trình hoạt động kinh doanh, từ năm 2017 đến năm 2019, H còn đặt vấn đề với Nguyễn Văn T1, sinh năm 1965, cư trú tại: Số A đường H, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc là người trực tiếp điều hành hoạt động của Công ty TNHH MTV T7 (Công ty T7) để mua 23 hóa đơn GTGT ghi không mặt hàng vòng bi, băng tải, động cơ, cước vận chuyển của Công ty T7 để hợp thức cho số hàng hóa, dịch vụ mà Công ty N mua trôi nổi trên thị trường không có hóa đơn với giá là 3% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, tổng tiền thanh toán trên 23 số hóa đơn là 589.088.500 đồng (trong đó: tiền hàng là 535.535.000 đồng, tiền thuế GTGT là 53.553.500 đồng), tiền mua hóa đơn là: 535.535.000 đồng $\times$ 3% = 16.066.000 đồng. Sau khi mua 23 hóa đơn GTGT của Công ty T7, H đã làm thủ tục kê khai thuế với Chi cục thuế khu vực T6 đối với 23 hóa đơn này, tổng số tiền thuế GTGT mà Công ty N được khấu trừ là 53.553.500 đồng.

Tại Kết luận giám định số 2974 ngày 04/11/2023; các Kết luận giám định số 3321, 3322 cùng ngày 28/11/2023 và các Kết luận giám định số 3241, 3242, 3246, 3247 cùng ngày 30/11/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V kết luận: Chữ ký, chữ viết (trừ chữ ký, chữ viết dưới mục người mua hàng) trên 48 tờ hóa đơn liên 1 và liên 2 Trần Kim Phương H bán cho Trạm y tế xã Đạo Tú, Trạm y tế xã D, Trạm y tế xã H, Trạm y tế xã H và Trạm y tế xã T so với chữ ký, chữ viết của Trần Kim Phương H là do cùng một người ký và viết ra.

Tại Kết luận giám định số 13-2023/KL-GĐTC ngày 06/11/2023 của Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực Tài chính, kế toán - Sở Tài chính tỉnh V xác định: Việc Trần Kim Phương H bán 24 hóa đơn ghi khống hàng hóa cho Trạm y tế xã Đ, Trạm y tế xã D, Trạm y tế xã H, Trạm y tế xã H và Trạm y tế xã T là hành vi bán trái phép hóa đơn, vi phạm quy định của pháp luật trong lĩnh vực về Kế toán.

Hành vi bán trái phép hóa đơn của Trần Kim Phương H cho 05 đơn vị (Trạm y tế xã Đ, Trạm y tế xã D, Trạm y tế xã H, Trạm y tế xã H và Trạm y tế xã T) đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước 6.878.820 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V tiến hành làm việc với Chi cục thuế khu vực T6 để xác định số tiền thuế Hộ kinh doanh Trần Kim Phương H phải nộp đối với 24 số hóa đơn bán cho Trạm y tế xã Đ, Trạm y tế xã D, Trạm y tế xã H, Trạm y tế xã H và Trạm y tế xã T. Quá trình làm việc Chi cục thuế khu vực T6 xác định số tiền thuế Hộ kinh doanh Trần Kim Phương H phải nộp theo tỷ lệ phần trăm thuế GTGT là 1%; thuế TNCN là 0,5% (theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính). Tổng số tiền thanh toán thể hiện trên 24 hóa đơn là 171.748.000 đồng, số tiền thuế Hộ kinh doanh Trần Kim Phương H phải nộp là: 2.576.220 đồng. Như vậy, số tiền H thu lợi bất chính từ việc bán 24 hóa đơn cho các Trạm y tế xã: Đạo Tú, Duy P1, H, Hoàng L và Thanh V sau khi đã kê khai nộp thuế là: 4.302.600 đồng.

Kết quả làm việc với Cục thuế tỉnh V xác định Công ty N đã kê khai 23 hóa đơn GTGT khống là hành vi sử dụng bất hợp pháp hóa đơn, tổng số tiền thuế GTGT mà C được khấu trừ là 53.553.500 đồng. Công ty N đã thực hiện hành vi trốn thuế với số tiền là 53.553.500 đồng.

Các vật chứng của vụ án do bị cáo Trần Kim Phương H giao nộp ngày 08/7/2023: 03 hóa đơn liên 1 bán cho Trạm y tế xã Đạo Tú gồm: Hóa đơn số 95290 ngày 18/12/2020, số 35048 và số 35057 đề ghi ngày 01/6/2021; 03 hóa đơn liên 1 bán cho Trạm y tế xã H gồm: Hóa đơn số 95216 ngày 16/11/2020, số 98339 ngày 15/01/2021 và số 98345 ngày 19/01/2021; 03 hóa đơn liên 1 bán cho Trạm y tế xã H gồm: Hóa đơn số 35005, số 35006 đề ghi ngày 16/5/2021, hóa đơn số 35084 ghi ngày 15/6/2021; 07 hóa đơn liên 1 bán cho Trạm y tế xã T gồm: Hóa đơn số 95693 ngày 09/9/2020, số 59695 ngày 10/9/2020, số 95278 ngày 16/12/2020, số 95281 ngày 17/12/2020, số 33231 ngày 05/5/2021, số 33238 ngày 08/5/2021 và số 35050 ngày 01/6/2021; 08 hóa đơn liên 1 bán cho Trạm y tế xã D gồm: Hóa đơn số 95231, số 95232 đề ghi ngày 26/11/2020, số 95295 ngày 19/12/2020, số 98257 ngày 22/12/2020, số 46717 và 46718 đề ghi ngày 30/01/2021, số 3246 ngày 12/5/2021 và số 33249 ngày 13/5/2021. Ngoài ra, ngày 08/7/2023, Cơ quan điều tra thu giữ 24 tờ hóa đơn và các chứng từ quyết toán của 05 Trạm y tế gồm: 03 hóa đơn liên 2 của Trạm y tế xã Đ kèm theo chứng từ gồm: Hóa đơn số 95290 ngày 18/12/2020, số 35048 và số 35057 đề ghi ngày 01/6/2021; 03 hóa đơn liên 2 của Trạm y tế xã H kèm theo chứng từ gồm: Hóa đơn số 95216 ngày 16/11/2020, số 98339 ngày 15/01/2021 và số 98345 ngày 19/01/2021; 03 hóa đơn liên 2 của Trạm y tế xã H kèm theo chứng

từ gồm: Hóa đơn số 35005, số 35006 đều ghi ngày 16/5/2021, hóa đơn số 35084 ghi ngày 15/6/2021; 07 hóa đơn liên 2 của Trạm y tế xã T kèm theo chứng từ gồm: Hóa đơn số 95693 ngày 09/9/2020, số 59695 ngày 10/9/2020, số 95278 ngày 16/12/2020, số 95281 ngày 17/12/2020, số 33231 ngày 05/5/2021, số 33238 ngày 08/5/2021 và số 35050 ngày 01/6/2021; 08 hóa đơn liên 2 của Trạm y tế xã D kèm theo chứng từ gồm: Hóa đơn số 95231, số 95232 đều ghi ngày 26/11/2020, số 95295 ngày 19/12/2020, số 98257 ngày 22/12/2020, số 46717 và 46718 đều ghi ngày 30/01/2021, số 3246 ngày 12/5/2021 và số 33249 ngày 13/5/2021. Đây đều là các vật chứng chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo Trần Kim Phương H và được lưu trong hồ sơ vụ án.

Ngày 01/12/2023, bị cáo Trần Kim Phương H tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền thu lợi bất chính là 4.302.600 đồng để khắc phục hậu quả từ việc bán 24 số hóa đơn cho các Trạm y tế.

Ngày 10/12/2023, Trần Kim Phương H tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 53.553.500 đồng để khắc phục hậu quả đối với số tiền thuế Công ty N được khấu trừ từ việc kê khai 23 hóa đơn ghi không hàng hóa của Công ty T7.

Đối với Trạm trưởng và cán bộ của các Trạm y tế xã Đ, D, H, Hoàng L và Thanh V gồm: Vũ Thị Kim D, Phan Quốc C, Nguyễn Thị Thu H6, Nguyễn Thị Thu H3, Nguyễn Văn K1, Ngô Thị H2, Nguyễn Thị H5, Phạm Bá D1, Nguyễn Thị H4, Phạm Thị D2 có hành vi mua trái phép hóa đơn của Hộ kinh doanh Trần Kim Phương H để sử dụng làm chứng từ thanh quyết toán cho số hàng hóa mua của các cá nhân không có hóa đơn. Tuy nhiên, việc mua trái phép hóa đơn của các cá nhân trên là dưới 10 số, ngân sách nhà nước bị thiệt hại là rất nhỏ dưới 2.000.000 đồng. Do vậy, hành vi của các đối tượng trên không cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý về hình sự. Đối với hành vi mua trái phép hóa đơn để sử dụng làm chứng từ thanh quyết toán của các đối tượng nêu trên là hành vi vi phạm pháp luật về lĩnh vực kế toán, tài chính. Do đó, ngày 14/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh V có văn bản đề nghị Trung tâm y tế huyện T xử lý về mặt tổ chức, tài chính đối với Trạm trưởng và cán bộ của 05 Trạm y tế nêu trên theo quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn T1 là người điều hành hoạt động Công ty T7 có hành vi bán 23 hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ cho Trần Kim Phương H để hợp thức cho số hàng hóa, dịch vụ mà Công ty N Đạo T3 mua trôi nổi trên thị trường và thu lợi bất chính số tiền 16.066.000 đồng. Ngày 08/6/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh V đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn T1 về tội “Mua bán trái phép hoá đơn” theo quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự. Hiện nay, vụ án trên đang được giải quyết. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh V không đề cập xử lý đối với Nguyễn Văn T1 cùng số tiền thu lợi bất chính trong vụ án này.

Đối với Nguyễn Trung K là Giám đốc Công ty N. Kết quả điều tra xác định K không tham gia vào hoạt động kinh doanh của Công ty N. Toàn bộ hoạt động kinh doanh, kê khai quyết toán thuế của Công ty N T3 là do Trần Kim

Phương H (vợ của K) thực hiện. Việc mua hàng hóa của ai và ở đâu H không nói cho K biết. K không biết và không tham gia vào việc H mua trái phép 23 hóa đơn của Công ty T7 để hợp thức cho số hàng hóa mà Công ty N Đạo T3 mua trôi nổi trên thị trường không có hóa đơn, không tham gia vào việc kê khai quyết toán thuế của công ty. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý về hình sự đối với K.

Đối với Công ty N, kết quả điều tra xác định, Trần Kim Phương H chỉ là thành viên góp vốn của công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. H không giữ bất cứ chức vụ gì trong công ty. Việc mua 23 hóa đơn của Công ty T7 để hợp thức cho số hàng hóa đầu vào không có hóa đơn của Công ty N là do cá nhân H trực tiếp thực hiện, ông Nguyễn Trung K - Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty không tham gia gì vào việc mua bán hóa đơn. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với pháp nhân là Công ty N.

Tại bản Cáo trạng số: 14/CT-VKS-P1 ngày 10 tháng 01 năm 2024, của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Trần Kim Phương H về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Kim Phương H theo như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố bị cáo Trần Kim Phương H phạm tội: “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự;

- Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 203, điểm n, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1, 2, 5 Điều 65 BLHS xử phạt Trần Kim Phương H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, được hưởng án treo thời gian thử thách gấp đôi hình phạt tù. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 3 Điều 203 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Trần Kim Phương H từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

- Về biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng Điều 46, khoản 1 Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS:

- Buộc Trần Kim Phương H phải nộp đủ số tiền trốn thuế vào ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 53.553.500 đồng và số tiền thu lợi bất chính từ việc bán trái phép hóa đơn là 4.302.600 đồng.

- Xác nhận trong quá trình điều tra Trần Kim Phương H đã tự nguyện nộp số tiền 57.856.100 đồng, tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Kim Phương H thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố và không có

ý kiến tranh luận với Bản luận tội của Viện kiểm sát, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo khi nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh V, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện theo quy định pháp luật về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Kim Phương H đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, cách thức thực hiện tội phạm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở để xác định: Từ năm 2020 đến năm 2021, Trần Kim Phương H là chủ hộ kinh doanh Trần Kim Phương H, có địa chỉ tại thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc có hành vi bán trái phép 24 hóa đơn của H7 kinh doanh Trần Kim Phương H cho các Trạm y tế xã: Đạo Tú, Duy P1, H, Hoàng L và Thanh V để những đơn vị này sử dụng làm chứng từ thanh quyết toán cho hàng hóa phát sinh trước đó không có hóa đơn. Tổng số tiền thanh toán ghi trên 24 hóa đơn là 171.748.000 đồng, giá bán hóa đơn Trần Kim Phương H thu từ 2% đến 5% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, thu được số tiền là 6.878.820 đồng. Sau khi bán 24 hóa đơn, Trần Kim Phương H đã kê khai, nộp thuế tại Chi cục thuế khu vực T6 số tiền 1,5% giá trị số tiền ghi trên hóa đơn (Thuế GTGT, thuế thu nhập cá nhân) là 2.576.220 đồng. Số tiền H thu lợi bất chính là 4.302.600 đồng.

[3] Ngoài việc bán trái phép 24 hóa đơn nêu trên, từ 2017 đến 2019 H còn có hành vi mua 23 hóa đơn GTGT ghi khống mặt hàng vòng bi, băng tải, động cơ, cước vận chuyển của Công ty T7 để hợp thức cho số hàng hóa, dịch vụ mà Công ty N Đạo T4 mua trôi nổi trên thị trường không có hóa đơn với giá là 3% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, tổng tiền thanh toán trên 23 số hóa đơn là 589.088.500 đồng (trong đó: tiền hàng là 535.535.000 đồng, tiền thuế GTGT là 53.553.500 đồng), tiền mua hóa đơn là: $535.535.000 \text{ đồng} \times 3\% = 16.066.000 \text{ đồng}$. Sau khi mua 23 hóa đơn GTGT của Công ty T7, H đã làm thủ tục kê khai thuế cho Công ty N đối với 23 hóa đơn này, tổng số tiền thuế GTGT được khấu trừ là 53.553.500 đồng.

[4] Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Trần Kim Phương H đã phạm vào tội “In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân

sách nhà nước”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Hình sự:

“Điều 203. Tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

....

d) Hóa đơn, chứng từ ở dạng phôi từ 100 số trở lên hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 30 số trở lên;”

[5] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến các chính sách của Nhà nước về quản lý hóa đơn, chứng từ trong lĩnh vực về thuế, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, khi phạm tội, bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, không mắc bệnh làm mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tội phạm mà mình đã gây ra. Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Trần Kim Phương H phải bị xử phạt nghiêm để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo phải chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, đồng thời răn đe, giáo dục cho người khác phải có ý thức tuân thủ pháp luật, góp phần vào công tác ngăn ngừa, phòng chống tội phạm chung, nhất là các tội phạm trong lĩnh vực thuế, tài chính.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo Trần Kim Phương H là người có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, thực hiện hành vi mua hóa đơn khi đang mang thai; bị cáo là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, năm 2013 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào Phụ nữ làm kinh tế giỏi năm 2013. Ngoài ra, bố chồng bị cáo là người có thành tích trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì, bị cáo đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính và số tiền trốn thuế để nộp ngân sách Nhà nước để khắc phục hậu quả. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm n, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này, bị cáo đã nhiều lần mua bán hóa đơn khác nhau, tuy nhiên những lần mua bán đó với số lượng nhỏ, chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định rõ ràng và việc xử phạt bị cáo hình phạt tù, cho hưởng án treo là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo cũng đủ sức răn đe giáo dục. Do đó, đề nghị của đại

diện Viện kiểm sát là có căn cứ, tương xứng với tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy cần phải xử phạt bị cáo một khoản tiền nhất định để sung quỹ Nhà nước. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự xử phạt bổ sung bị cáo Trần Kim Phương H 15.000.000 đồng.

[9] Về biện pháp tư pháp: Bị cáo đã thu lợi bất chính từ hành vi bán trái phép hoá đơn là 4.302.600 đồng và gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước từ việc mua hoá đơn khiến cho Công ty N trốn thuế giá trị gia tăng là 53.553.500 đồng. Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện đề nghị nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính và tiền trốn thuế nêu trên để sung công quỹ Nhà nước để khắc phục hậu quả. Do đó, cần buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính 4.302.600 đồng để sung quỹ Nhà nước và sung quỹ Nhà nước số tiền bị cáo trốn thuế là 53.553.500 đồng. Bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 57.856.100 đồng tại Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả nên Hội đồng xét xử tạm giữ số tiền trên để đảm bảo cho việc thi hành án.

[10] Đối với Trạm trưởng và cán bộ của các Trạm y tế xã Đ, D, Hoàng Đ, Hoàng L và Thanh V, quá trình điều tra xác định hành vi mua hoá đơn của những người nêu trên là dưới 10 số và thiệt hại cho ngân sách nhà nước nhỏ dưới 2.000.000 đồng nên hành vi của những người nêu trên không cấu thành tội phạm, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra không khởi tố vụ án hình sự và có văn bản đề nghị Trung tâm y tế huyện T xử lý về mặt tổ chức, tài chính đối với Trạm trưởng và cán bộ của 05 Trạm y tế nêu trên là có căn cứ đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Đối với Nguyễn Văn T1 là người điều hành hoạt động Công ty T7 có hành vi bán 23 hóa đơn GTGT ghi khống hàng hóa, dịch vụ cho Trần Kim Phương H để hợp thức cho số hàng hóa, dịch vụ mà Công ty N mua trôi nổi trên thị trường và thu lợi bất chính số tiền 16.066.000 đồng. Ngày 08/6/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh V đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn T1 về tội “Mua bán trái phép hoá đơn” theo quy định tại Điều 203 Bộ luật hình sự. Hiện nay, vụ án trên đang được giải quyết. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh V không đề cập xử lý đối với Nguyễn Văn T1 cùng số tiền thu lợi bất chính trong vụ án này mà giải quyết bằng vụ án khác là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[12] Đối với Nguyễn Trung K là Giám đốc Công ty N. Kết quả điều tra xác định K không tham gia vào hoạt động kinh doanh của Công ty N. Toàn bộ hoạt động kinh doanh, kê khai quyết toán thuế của Công ty N là do Trần Kim Phương H (vợ của K) thực hiện. Việc mua hàng hóa của ai và ở đâu H không nói cho K biết. K không biết và không tham gia vào việc H mua trái phép 23 hóa đơn của Công ty T7 để hợp thức cho số hàng hóa mà Công ty N mua trôi nổi trên thị trường không có hóa đơn, không tham gia vào việc kê khai quyết toán thuế của công ty. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý về hình sự đối với K là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[13] Đối với pháp nhân là Công ty N, kết quả điều tra xác định Trần Kim Phương H chỉ là thành viên góp vốn của công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. H không giữ bất cứ chức vụ gì trong công ty. Việc mua 23 hóa đơn của Công ty T7 để hợp thức cho số hàng hóa đầu vào không có hóa đơn của Công ty N là do cá nhân H trực tiếp thực hiện, ông Nguyễn Trung K - Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty không tham gia gì vào việc mua bán hóa đơn. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với pháp nhân là Công ty N Đạo T4 là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[14] Về xử lý vật chứng của vụ án: Toàn bộ các hoá đơn thu giữ được là vật chứng của vụ án đã được lưu trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[15] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Kim Phương H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm n, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên bố: Bị cáo Trần Kim Phương H phạm tội: “Mua bán trái phép hóa đơn”.

1. Xử phạt bị cáo Trần Kim Phương H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Kim Phương H cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Trần Kim Phương H 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng để sung quỹ nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo Trần Kim Phương H phải nộp 4.302.600 đồng tiền thu lợi bất chính và nộp 53.553.500 đồng tiền trốn thuế sung quỹ Nhà nước.

Tạm giữ số tiền 57.856.100 đồng bị cáo đã nộp trong quá trình điều tra để đảm bảo việc thi hành án, (theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 12/01/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc).

4. Về án phí: Bị cáo Trần Kim Phương H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THA dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQ CSĐT-CA Vĩnh Phúc;
- Bị cáo; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Huy Cẩn